

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2020

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường, ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Xuân T, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn S, xã G, huyện M, tỉnh N– Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Công H, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn S, xã G, huyện M, tỉnh N– Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/6/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Xuân T trình bày: Vào ngày 20 tháng 10 năm 2016 anh H, chị T đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện J, tỉnh N. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Công H.

Về con chung: anh, chị có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Linh Đ, sinh ngày 10/6/2017. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

Đối với bị đơn anh Phạm Công H: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Phạm Công H nhưng anh H vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại anh Phạm Công H có mặt tại địa phương nhưng anh H cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Phạm Công H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 234 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Xuân T. Chị Phạm Thị Xuân T được ly hôn với anh Phạm Công H.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Linh Đ, sinh ngày 10/6/2017 cho chị Phạm Thị Xuân T trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản và công nợ: Không có.

- Về án phí: chị Phạm Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị Xuân T yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Công H, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn và chia tài sản chung

khi ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Công H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bắc Sơn, xã Đăk Gắn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Công H hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh H cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của anh H đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phạm Công H.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Xuân T và anh Phạm Công H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. giữa anh, chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh Hoàng, không muốn tiếp tục chung sống với anh H và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và giải quyết chị T được ly hôn với anh Hoàng.

[2.2] Về con chung: Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”

Hiện nay cháu Phạm Ngọc Linh Đ, sinh ngày 10/6/2017 Đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ, chị T kinh doanh, buôn bán có thu nhập ổn định hằng tháng khoảng 10.000.000 đồng/01 tháng nên đủ chi phí, điều kiện để chăm sóc con

chung. Từ những nhận định trên, HĐXX nghĩ, cần giao Phạm Ngọc Linh Đ, sinh ngày 10/6/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Phạm Thị Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Xuân T được ly hôn với anh Phạm Công H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Linh Đ, sinh ngày 10/6/2017 cho chị Phạm Thị Xuân T trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Phạm Công H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn, chị T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Xuân T không yêu cầu anh Phạm Công H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Phạm Thị Xuân T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Phạm Thị Xuân T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003458 ngày 23/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh N

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (anh Phạm Công H) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- CCTHADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA